

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 50 /2023/ HS-ST.

Ngày: 03- 01-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2022/HSST ngày 07/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64 /2022/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn C - Sinh năm: 1990; ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay; phố T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, bà Trần Thị L (đã chết); vợ Hà Thị Đ (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2008, tiền án: Ngày 28/12/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tiền sự không, nhân thân: Ngày 07/03/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, ngày 15/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong ngày 08/10/2019, bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 30/9/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1994, trú tại 39 Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Lê Trà G – Sinh năm 1998, trú tại số 07, phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị T – Sinh năm 1988, trú tại số 304B, T, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do có mục đích trộm cắp tài sản từ trước nên khoảng 06h ngày 24/9/2022, Trần Văn C đi xe bus từ huyện T đến Bệnh viện đa khoa P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, khi lên tầng 3 Khoa Dược, thấy phòng 303 không có ai nên C mở cửa đi vào phòng, sau khi quan sát phát hiện 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 10 Pro bản 128Gb màu xanh dương của chị Nguyễn Thị T sinh năm 1994, là nhân viên của bệnh viện P đang để trên bàn làm việc, C lấy điện thoại giấu vào thắt lưng quần rồi nhanh chóng đi ra khỏi bệnh viện sau đó C đón taxi (không xác định được tên tuổi địa chỉ người lái xe) chở đến cửa hàng số 230 Ng, phường T, thành phố T, tại đây C gặp nhân viên của cửa hàng di động là chị Lê Trà G, sinh năm 1998, trú tại 07 H, phường L, thành phố T, C nói với chị Giang là có điện thoại cũ không dùng nên bán, chị Giang đồng ý mua với số tiền 3.200.000đ. Sau khi mua được điện thoại chị Phạm Thị T là chủ của hàng đã bán cho một người nam thanh niên không rõ tên và địa chỉ với giá là 3.200.000 đồng.

Nhận tiền xong, C lại yêu cầu lái xe taxi chở mình đến xã Hợp T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, C dùng tiền vừa bán tài sản trả cho lái xe hết 500.000đ, số tiền còn lại Chung đã tiêu xài cá nhân hết (BL 56-67; 87-100). Đến ngày 26/9/2022 Trần Văn C đã đến Công an phường Đ, thành phố T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình (BL 05-06).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố T xác định tài sản bị trộm cắp ngày 24/9/2022 có giá trị là 6.990.000đ (sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) (BL: 34).

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note10 bản 128GB màu xanh dương hiện tại không thu hồi được, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Trần Văn C phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 6.990.000 đồng.

Tại phiên tòa, Trần Văn C khai nhận do không có tiền chi tiêu cho cá nhân, bị cáo đã đón xe bus xuống thành phố T để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang đi tiêu thụ.

Cáo trạng số 22/CTr - VKS ngày 06/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo Trần Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Phản luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 15 đến 18 tháng tù, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị T số tiền 6.990.000đ, bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh, nhân thân khi phạm tội và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và không có khiếu nại gì cần được tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Các căn cứ là tình tiết định tội đối với bị cáo: Trên cơ sở lời khai của bị cáo tại phiên tòa và lời khai trước đây bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, báo cáo và lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 06h00’ ngày 24/9/2022, tại Khoa Dược Bệnh viện đa khoa P, phường Đ, thành phố T, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, Trần Văn C đã lén lút trộm cắp của chị Nguyễn Thị T là nhân viên của Bệnh viện 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note10 bản 128GB màu xanh dương đã qua sử dụng, trị giá 6.990.000 đồng và mang đi bán lấy tiền chi tiêu cho cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Đối với Lê Trà G và Phạm Thị T là người mua tài sản của Trần Văn C trộm cắp, khi mua không biết tài sản này là do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[3]. Tính chất vụ án: Trần Văn C là đối tượng có khả năng lao động để nuôi sống bản thân và gia đình, chỉ vì lười biếng lại muốn có tiền để chi tiêu cho cá nhân nên dẫn đến phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến trật tự xã hội nói chung mà còn xâm phạm đến tài sản của người khác nói riêng do vậy, cần phải được xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Trách nhiệm hình sự (TNHS) của bị cáo: Trần Văn C có nhân thân xấu, bị cáo có một tiền án, tuy chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo và đầu thú các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, vì bị cáo có nhân thân xấu do vậy, cần áp dụng Điều 38 của BLHS để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để có đủ điều kiện cải tạo sớm trở thành người lương thiện.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt do không thu hồi được, cần áp dụng các Điều 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự để buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị T số tiền 6.990.000 đồng.

[6]. Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS, Điều 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự, Điều 136 của BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo: Trần Văn C 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.990.000 đồng (sáu triệu, chín trăm chín mươi ngàn).

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng và phải chịu 339.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Từ khi chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền phải bồi thường, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS năm 2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Cơ sở giam giữ Công an TP. T;
- Bị cáo; bị hại
- Người có QL&NVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Hoa

